

# Giải pháp hoàn thiện vận dụng quy trình kiểm toán khoản mục tiền và tương đương tiền trong kiểm toán tài chính

Nguyễn Phương Thảo, Từ Thị Linh,  
Trịnh Thái Hòa, Nguyễn Thị Anh Phương  
Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên

Kiểm toán khoản mục tiền và tương đương tiền trong kiểm toán báo cáo tài chính là phần hành mang tính trọng yếu và không thể tách rời đối với các khoản mục liên quan khác. Mặt khác, khả năng sai phạm đối với khoản mục này là rất lớn, ảnh hưởng đến chất lượng của cuộc kiểm toán. Bài báo trình bày một số giải pháp nhằm hoàn thiện vận dụng quy trình kiểm toán khoản mục tiền và tương đương tiền trong kiểm toán báo cáo tài chính dựa trên đánh giá thực trạng việc vận dụng quy trình kiểm toán khoản mục này tại một số công ty kiểm toán độc lập.

## 1. Giới thiệu

Kiểm toán là một ngành khoa học còn non trẻ, tuy nhiên chỉ trong một thời gian ngắn phát triển, những đóng góp của kiểm toán đã được thể hiện trên rất nhiều mặt. Kiểm toán thực sự được coi là “Vị quan tòa công minh của quá khứ, người dẫn dắt cho hiện tại và là người cố vấn sáng suốt cho tương lai”. Năm 1991, kiểm toán đã chính thức ra đời tại Việt Nam, từ đó đến nay kiểm toán đã trở thành một công cụ không thể thiếu cho công cuộc đổi mới và hội nhập của đất nước nói chung và đối với mỗi nhà quản lý kinh tế, tài chính nói riêng. Đối với các doanh nghiệp, tiền luôn luôn giữ vai trò hết sức quan trọng vì nó là phương tiện, huyết mạch cho quá trình lưu thông của doanh nghiệp. Tiền và các khoản tương đương tiền có liên quan đến nhiều chu kỳ kinh doanh khác nhau: mua hàng thanh toán, bán hàng thu tiền, tiền lương và nhân viên... Mặt khác, tiền rất gọn nhẹ, dễ vận chuyển, linh hoạt và có tính thanh khoản cao nên khoản mục tiền và tương đương tiền thường xuyên là đối tượng của sai sót, tham ô, lợi dụng, mất mát. Vì vậy, kiểm toán khoản mục tiền và tương đương tiền là một trong những mục kiểm toán trọng yếu cần được thực hiện khoa học và chính xác để nâng cao chất lượng cuộc kiểm toán.

## 2. Đánh giá thực trạng vận dụng quy trình kiểm toán khoản mục tiền và tương đương tiền

### 2.1. Ưu điểm

Qua quá trình tìm hiểu quy trình kiểm toán và quá trình vận dụng quy trình kiểm toán khoản mục tiền và tương đương tiền tại một số công ty kiểm toán độc lập, nhóm nghiên cứu có thể thấy phương pháp kiểm toán khoản mục tiền và tương đương tiền của các công ty tương đối hoàn chỉnh và hiệu quả. Từ giai đoạn lập kế hoạch, thực hiện đến kết thúc kiểm toán, tất cả các

bước công việc đều dựa trên sự điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế và đặc điểm ngành nghề kinh doanh của khách hàng.

Bộ máy quản lý: Ban giám đốc của Công ty đều là những người được cấp chứng chỉ kiểm toán đầu tiên tại Việt Nam, có kinh nghiệm lâu năm và có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực Kiểm toán, tài chính, kế toán. Bộ máy quản lý, điều hành của Công ty được tổ chức gọn nhẹ nhưng khoa học và hiệu quả. Việc sắp xếp các phòng phụ trách nghiệp vụ cụ thể tạo sự chuyên môn hoá cho các nhân viên, đem lại hiệu quả cao cho công việc. Hơn nữa, điều này giúp ích trong việc đào tạo, đồng thời có thể phát huy được khả năng kinh nghiệm của các nhân viên. Trong mọi cuộc kiểm toán Ban Giám đốc Công ty luôn giám sát chặt chẽ công việc kiểm toán và thường là những người trực tiếp tham gia vào các giai đoạn chính của cuộc kiểm toán.

Về đội ngũ nhân viên: Đội ngũ nhân viên trẻ và năng động. Các nhân viên của các công ty đa số có chất lượng chuyên môn tốt lại hết sức năng động, sáng tạo và đầy lòng nhiệt huyết trong công việc lại được đào tạo một cách kỹ càng. Đối với khoản mục tiền và tương đương tiền, là một khoản mục cơ bản, các nhân viên trong công ty đều nắm vững các thủ tục để thực hiện hiệu quả. Nhờ đó kiểm toán phần hành tiền và tương đương tiền trong các cuộc kiểm toán luôn được thực hiện đúng với chương trình kiểm toán và đạt hiệu quả cao.

Về phương pháp Kiểm toán: Phương pháp kiểm toán của các công ty được thực hiện theo các nguyên tắc chỉ đạo của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán quốc tế phù hợp với luật pháp và quy định của chính phủ Việt Nam đã tạo ra hiệu quả cao của dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính tại các công ty. Các công ty luôn hiểu biết khách hàng

một cách sâu sắc về hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ cấu tổ chức, đặc điểm quản lý, nhân sự, các mối quan hệ đối với các bên hữu quan, các rủi ro kinh doanh có thể gặp phải, xu hướng phát triển và các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn. Nhờ đó, kiểm toán viên KTV có thể nhận diện được các rủi ro đối với khách hàng, từ đó có thể tập trung vào những nghiệp vụ chứa đựng nhiều rủi ro để tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kiểm toán. Các công ty thực hiện đánh giá hệ thống KSNB của khách hàng, các yếu tố của HTKSNB như môi trường kiểm soát, thủ tục kiểm soát, hệ thống thông tin kế toán đều được đánh giá thông qua quan sát và phỏng vấn. Việc áp dụng các chương trình kiểm toán rất linh động và đảm bảo yêu cầu cả về thời gian và chi phí cho cuộc kiểm toán, từ đó tăng sức cạnh tranh cho Công ty.

## 2.2. Tồn tại

Thủ tục phân tích đã được sử dụng nhưng chưa được chú trọng, hầu hết các khoản mục được kiểm toán nếu có sử dụng thủ tục phân tích thì chỉ là kết hợp với thủ tục kiểm tra chi tiết. Thủ tục phân tích chỉ dừng lại ở việc phân tích các biến động nhằm hiểu rõ hơn tình hình hoạt động của khách hàng, hoặc phân tích xu hướng... nhưng chưa sử dụng được để phán đoán những rủi ro có thể xảy ra đối với từng khoản mục trên BCTC. Đối với khoản mục tiền và tương đương tiền, các công ty đã tiến hành thủ tục phân tích như sử dụng các hệ số: hệ số thanh toán nhanh, hệ số thanh toán tức thời, hệ số thanh toán ngắn hạn để phân tích xu hướng biến động của dòng tiền và đạt được những hiệu quả. Nhìn chung, thủ tục phân tích chỉ được dùng như một công cụ hỗ trợ KTV trong việc khoanh vùng rủi ro mà không được sử dụng như một phương pháp kiểm toán cơ bản. Do đó, các công ty đang hướng nhiều đến các thủ tục kiểm tra chi tiết. Chính điều này đã làm chi phí kiểm toán tăng cao gây khó khăn cho KTV trong việc đảm bảo thời gian và chất lượng kiểm toán.

Về đánh giá HTKSNB, các KTV luôn thận trọng và đảm bảo thu thập đầy đủ các thông tin cần thiết về khách hàng. Trong mỗi file “Hồ sơ kiểm toán”, KTV đều lưu giữ bảng câu hỏi tìm hiểu về HTKSNB ứng với mỗi phần hành. Việc đánh giá HTKSNB được thiết kế trên chương trình kiểm toán nhưng thực tế công việc này chỉ được thực hiện đối với những khách hàng lớn. Hơn nữa, việc đánh giá nhiều khi mang tính chất khái quát chủ yếu qua sự phán xét của KTV. Đối với khoản mục tiền và tương đương tiền, việc đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ chỉ được dựa trên những câu hỏi đối với kế toán khách hàng, bằng chứng chưa đủ độ tin cậy. Việc kiểm tra các phiếu thu, phiếu chi chưa được thực hiện hiệu quả, trên một số lượng ít, chưa mang được tính đại diện cho mẫu.

Về chọn mẫu kiểm toán Thủ tục này chủ yếu dựa vào óc xét đoán nghề nghiệp và kinh nghiệm của KTV, nên trong một số trường hợp mẫu được chọn chưa

mang tính đại diện cao. Thông thường, KTV sẽ tiến hành kiểm tra các nghiệp vụ bất thường hoặc phát sinh với số tiền lớn. Đối với khoản mục tiền và tương đương tiền chủ yếu các mẫu được chọn theo các phiếu thu, phiếu chi lớn, chưa chọn mẫu các nghiệp vụ nhỏ nhưng diễn ra nhiều, dẫn đến khả năng sai sót lụy kế xảy ra dẫn đến sai phạm trọng yếu.

## 3. Giải pháp hoàn thiện vận dụng quy trình kiểm toán tài chính khoản mục tiền và tương đương tiền

Thứ nhất, thủ tục phân tích. Theo chuẩn mực kiểm toán quốc tế số 12: “Phương pháp phân tích được coi là một dạng của phương pháp kiểm toán cơ bản nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán”. Do vậy, đây là một phương pháp hết sức quan trọng và cần thiết. Trong xu thế hiện nay, việc sử dụng thủ tục phân tích đang khuyến khích sử dụng. Thủ tục phân tích được sử dụng thay cho thủ tục kiểm tra chi tiết nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí kiểm toán; đồng thời nâng cao hiệu quả cuộc kiểm toán.

Để khắc phục thiếu sót này của quy trình kiểm toán Tiền và tương đương tiền nói riêng và toàn bộ các quy trình kiểm toán nói chung, cần sự thay đổi trong kết cấu của quy trình Tiền và tương đương tiền dưới sự chỉ đạo của Ban giám đốc Công ty. KTV vận dụng quy trình phân tích chuẩn kết hợp với xét đoán nghề nghiệp của mình tiến hành phân tích sự biến động các khoản mục, xác định nguyên nhân chênh lệch và phát hiện sự kiện bất thường. KTV cần tiến hành thu thập số liệu chung của toàn ngành, so sánh số liệu của khách hàng với các đơn vị khác cùng ngành và số liệu trong toàn ngành.

Thứ hai, đánh giá HTKSNB. KTV cần đánh giá HTKSNB một cách thận trọng để có thể sử dụng trong việc giảm bớt các thủ tục kiểm tra chi tiết. Muốn vậy ngoài việc phỏng vấn khách hàng, công ty có thể sử dụng kết hợp các phương pháp tìm hiểu bằng bảng tương thuật, lưu đồ như lưu đồ về quy trình chi tiền, thu tiền, quy trình tạm ứng.... Việc kết hợp này sẽ mang lại cho KTV một cái nhìn sinh động, rõ ràng hơn, nắm bắt một cách toàn diện về hệ thống KSNB của khách hàng. Bên cạnh đó, KTV phải xem xét số tay về thủ tục và chế độ của Công ty khách hàng. Sau đó, KTV nên kiểm tra các chứng từ và sổ sách đã hoàn tất để thấy được việc vận dụng các thủ tục và chế độ tại công ty khách hàng đang được áp dụng đối với khoản mục tiền và tương đương tiền và việc áp dụng các thủ tục đó của nhân viên công ty.

Ngoài ra, trong bảng câu hỏi đánh giá về HTKSNB ứng với từng phần hành, ngoài các câu hỏi “có”, “không”, “không áp dụng”, KTV nên thiết kế mở rộng Bảng câu hỏi dưới dạng câu hỏi mở.

Căn cứ để lập Bảng câu hỏi đánh giá về HTKSNB:

+ Dựa vào kinh nghiệm thu thập được trong các cuộc kiểm toán trước và hồ sơ kiểm toán của khách

hàng đang lưu tại các công ty kiểm toán đối với khoản mục tiền và tương đương tiền.

+ Nội dung và kết quả trao đổi với Ban Giám đốc, kế toán trưởng, các nhân viên về các nội dung liên quan, các giao dịch bằng tiền chủ yếu của công ty trong năm

+ Quan sát quá trình xử lý nghiệp vụ.

+ Xem xét và kiểm tra các tài liệu, các thông tin liên quan đến Tiền và tương đương tiền do hệ thống kế toán và HTKSNB cung cấp.

Các thông tin thu thập được về khách hàng đặc biệt là những thông tin về tình hình kinh doanh, cơ sở pháp lý nên được chất lọc, sắp xếp để tiện cho việc theo dõi cũng như làm bằng chứng đánh giá HTKSNB đồng thời làm tài liệu tham khảo cho kỳ kiểm toán sau. Ngoài ra, việc đánh giá HTKSNB nói chung cũng như kiểm soát đối với Tiền và tương đương nói riêng tại công ty khách hàng cần được tiến hành chặt chẽ hơn:

- Đối với các khách hàng thường xuyên, KTV có thể dựa vào những thông tin từ những năm trước lưu trong hồ sơ kiểm toán đồng thời phỏng vấn kế toán những thay đổi trong năm nay để cập nhật vào lưu đồ. Còn đối với những khách hàng kiểm toán năm đầu tiên, KTV nên tham khảo kinh nghiệm của những KTV tiền nhiệm đã từng kiểm toán tại công ty khách hàng. KTV phải tìm hiểu kỹ lưỡng về quy trình luân chuyển của chứng từ thu, chi tiền mặt cũng như chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận trong chu trình để xét đoán kỹ càng liệu đã phù hợp về mục đích thu chi, về sự phê duyệt và đạt hiệu quả cao trong quản lý tiền và tương đương tiền hay chưa

- Đối với các khách hàng lâu năm, kiểm toán viên cần tư vấn các biện pháp để bản thân Công ty ý thức được tầm quan trọng của việc thực hiện các biện pháp trên. Nó giúp Công ty cải thiện mức độ hiệu quả của công việc, giảm chi phí, thời gian kiểm toán. Đồng thời nó giúp Công ty phần nào đó hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Tiền và tương đương tiền từ đó tăng chất lượng của các cuộc kiểm toán sau và giảm thiểu rủi ro do quá trình kiểm toán Tiền và tương đương tiền mang lại.

Thứ ba, chọn mẫu kiểm toán. Ngoài phương pháp chọn mẫu thường được sử dụng, KTV cũng có thể tiến hành chọn mẫu theo:

- Bảng số ngẫu nhiên: Là phương pháp lựa chọn ngẫu nhiên dựa trên các bảng số ngẫu nhiên đã được thiết kế sẵn, bao gồm các số độc lập được sắp xếp thuận lợi để lựa chọn ngẫu nhiên.

- Chương trình chọn mẫu ngẫu nhiên: Là một chương trình đã được xây dựng sẵn trong phần mềm kiểm toán, có khả năng cung cấp một dãy số ngẫu nhiên của một tổng thể.

- Lựa chọn hệ thống (CMA): Nguyên tắc của phương pháp này là kể từ một điểm xuất phát ngẫu nhiên được chọn, KTV sẽ chọn các phần tử cách nhau

theo một khoảng cách cố định. Khoảng cố định này được tính bằng cách chia số phần tử của tổng thể cho số phần tử của mẫu.

Thứ tư, kiến nghị về nâng cao chất lượng của kiểm toán viên. Công ty cần đề ra những chính sách giám sát cũng như soát xét chặt chẽ hơn nữa việc thực hiện kiểm toán Tiền và tương đương tiền do các KTV thực hiện. Đồng thời cũng cần phải thường xuyên đào tạo cập nhật kiến thức cho các KTV để phục vụ cho quá trình kiểm toán. Không ngừng nâng cao trình độ của các KTV thông qua các lớp đào tạo do Công ty tổ chức, thường xuyên cập nhật các thay đổi về chế độ tài chính liên quan đến khoản mục tiền và tương đương tiền cũng như các khoản mục khác cho các nhân viên trong Công ty.

Thứ năm, chương trình kiểm toán. Các công ty kiểm toán nên xây dựng chương trình kiểm toán riêng phụ thuộc vào loại hình và đặc điểm kinh doanh của từng khách hàng. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi nhằm tiếp cận kiểm toán và dễ dàng phát hiện được những sai sót mang tính hệ thống. Không những thế, việc thiết kế như vậy vừa đảm bảo được chất lượng dịch vụ cung cấp vừa đảm bảo tiến độ thực hiện công việc. Ví dụ như đối với các khách hàng kinh doanh thương mại và dịch vụ thường có những sai sót liên quan đến doanh thu, vi phạm tính hiện hữu, đúng kỳ. Cho nên chương trình kiểm toán sẽ tập trung vào các phần hành liên quan đến chi phí, doanh thu trong kỳ. Các KTV cũng cần thấy được tầm quan trọng của quy trình kiểm toán Tiền và tương đương tiền để từ đó thực hiện đầy đủ các bước quy trình kiểm toán Tiền và tương đương tiền và đúng với các quy định, chuẩn mực nghề nghiệp, chuẩn mực đạo đức nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán Tiền và tương đương tiền cũng như ngăn ngừa những rủi ro sẽ gặp phải khi tiến hành kiểm toán phần hành này./.

### Tài liệu tham khảo

Nguyễn Văn Công (2010), Kế toán doanh nghiệp, NXB Tài Chính, Hà Nội.

Arén, A.A., Leobecker, J.K., Đặng Kim Cương (2000), Kiểm toán — Auditing, NXB Thống Kê, Hà Nội.

Phan Đức Dũng (2006), Kế toán kiểm toán, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.

Phan Trung Kiên (2008), Kiểm toán Lý thuyết và Thực hành, NXB Tài chính, Hà Nội.

Nguyễn Quang Quỳnh và TS Ngô Trí Tuệ (2008), Kiểm toán tài chính, NXB ĐH Kinh Tế Quốc Dân, Hà Nội.